

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HS-ST

Ngày: 12.5.2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoài Khanh.
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vẹn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2020/TL-HSST ngày 09 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Võ Minh Tr, sinh năm 1981; Tên gọi khác: Tr Sơn, Tr Sư; Nơi ĐKTT: Số 112/2A, đường V T T, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Số 613, ấp M H, xã M L, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị Bích H; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 24/4/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 năm tù về tội Cướp tài sản. Đến ngày 28/4/2017 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Tạ Hữu T, sinh ngày 07/11/1990; Tên gọi khác: không có; Nơi ĐKTT: Số 1057/2 L Q K, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện

nay: Số 951, đường N Q, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Thợ sắt; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn V và bà Nguyễn Thị T1; Có vợ: Trịnh Xuân D; Con: Chưa có; Em ruột: 01 người, sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2020 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Người bị hại:* Anh Trần Hoàng T2, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 52 N G T, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

* *Người làm chứng:*

+ Tạ Hữu L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 1057/2, đường L Q K, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

+ Nguyễn Thị Huyền T3, sinh năm 2001; Địa chỉ: Số 1057/2 L Q K, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

+ Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp M H, xã M L, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Trần Hoàng Nh, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 52, đường N G T, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

+ Trịnh Xuân D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 951, đường N Q, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

+ Đoàn Thị Ngọc M, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 52A, đường N G T, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ, ngày 15/04/2019 Võ Minh Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen của Tr (chưa xác định biển số, do Tr mua xe cũ, hiện nay đã bán) chở vợ Nguyễn Thị Bích H đến nhà Tạ Hữu T và Trịnh Xuân D ở số 951 N Q, phường A H, thành phố R G để tổ chức ăn uống. Sau khi tổ chức ăn uống xong thì Tr và H đi về nhà, khi đi ngang nhà Trần Hoàng NH ở số 52 N G T, phường A H, thành phố R G thì thấy NH đứng trong nhà. Lúc này Tr để H ngồi ngoài xe chờ còn Tr đi vào yêu cầu Nh trả tiền thì xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau; Tr dùng tay đánh Nh thì Nh có dùng tay đánh lại nhưng không gây thương tích, do bị đánh bất ngờ nên Nh chạy vào trong nhà lấy hung khí thì Tr thấy có Trần Hoàng T2 (em ruột Nh) cùng Nh chạy ra nên Tr bỏ chạy về hướng đường N Q, trong quá trình bỏ chạy Tr có nhặt vỏ chai bia ném về phía Trần Hoàng Nh và Trần Hoàng T2 nhưng không gây thương tích. Đến khoảng 22 giờ cùng

ngày Võ Minh Tr chạy lại nhà Tạ Hữu T và kêu T cho mượn dao để đánh nhau với Nh. T lấy ở trong nhà của mình 01 cây dao bằng kim loại màu đen dài khoảng 37 cm đưa cho Tr và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen chở Võ Minh Tr đến nhà Nh. Khi vừa chạy đến trước nhà số 50 N G T, phường A H, thành phố R G thì Tr nhìn thấy T2 và Nh đang đứng phía trước nên Tr kêu T dừng xe; Tr xuống xe và đi đến dùng dao chém nhiều cái trúng vào cánh tay phải, bàn chân phải và chân trái của Trần Hoàng T2 gây thương tích, do thấy T2 bị Tr chém nên Nh lấy 01 cây sắt định đánh Tr thì Tr bỏ chạy về hướng đường Nguyễn Trung Trực còn T vẫn ngồi trên xe và do thấy Tr bỏ chạy nên T điều khiển xe về nhà (T không tham gia đánh nhau nhưng dùng xe chở Tr và cho Tr mượn dao chém T2). Nh cùng người nhà đưa Trần Hoàng T2 vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang cấp cứu, điều trị. Ngày 17/4/2019 Trần Hoàng T2 làm đơn yêu cầu khởi tố Võ Minh Tr và Tạ Hữu T. Đến ngày 10/12/2019 và ngày 04/3/2020, Võ Minh Tr và Tạ Hữu T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R G khởi tố để điều tra.

* *Tại bản kết luận giám định pháp y số: 328/KL-PY, ngày 28/5/2019, của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận về thương tích của người bị hại Trần Hoàng T2 như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - Sẹo xơ cứng vùng cánh tay phải (vết 1, 2), bàn chân phải và chân trái.
 - Đứt hoàn toàn cơ rộng ngoài chân trái, Hiện tại, tổn thương toàn phần dây thần kinh hông to, còn viêm tấy rỉ dịch và còn gây hạn chế chức năng vận động khớp gối.
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: **37%** (Ba mươi bảy phần trăm).
3. Vật gây thương tích: Vật sắc.
4. Về thẩm mỹ và chức năng bộ phận cơ thể: Thương tích chân trái gây ảnh hưởng thẩm mỹ ít và gây hạn chế chức năng vận động gối trái mức độ ít.

* *Vật chứng trong vụ án:*

+ 01 (một) cây dao bằng kim loại màu đen, dài khoảng 37 cm, đã qua sử dụng và được niêm phong (do Tạ Hữu T tự nguyện giao nộp).

Tại bản Cáo trạng số: 85/CT-VKS ngày 09/4/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Võ Minh Tr và Tạ Hữu T về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự (vì thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm d, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Võ Minh Tr 06 đến 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tạ Hữu T 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao bằng kim loại màu đen, dài khoảng 37 cm, đã qua sử dụng và được niêm phong.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Trần Hoàng T2 yêu cầu bị cáo Võ Minh Tr và Tạ Hữu T bồi thường tiền viện phí, ngày công lao động và các khoản chi phí khác với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Bị cáo Tr đã bồi thường 60.000.000 đồng, bị cáo T đã bồi thường 20.000.000 đồng. Người bị hại đã nhận đủ số tiền trên và đã làm đơn bãi nại cho bị cáo Võ Minh Tr và Tạ Hữu T, đề nghị HĐXX xem xét.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Võ Minh Tr và Tạ Hữu T thừa nhận toàn bộ hành vi cố ý gây thương tích cho người bị hại Trần Hoàng T2 theo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G đã truy tố, về tội danh, về điều luật áp dụng. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại T2 với tổng số tiền là 80.000.000 đồng (Bị cáo Tr bồi thường 60.000.000 đồng; Bị cáo T bồi thường 20.000.000 đồng). Về trách nhiệm hình sự, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa người bị hại Trần Hoàng T2 thống nhất với nội dung cáo trạng và lời trình bày của các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo Tr và T đã bồi thường toàn bộ tiền chi phí điều trị, tiền công lao động bị mất và các khoản chi phí khác cho T2 với tổng số tiền là 80.000.000 đồng (Bị cáo Tr bồi thường 60.000.000 đồng; Bị cáo T bồi thường 20.000.000 đồng), T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, T2 đã có đơn bãi nại cho các bị cáo và yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do các bị cáo đã nhận thấy được sai trái và đã xin lỗi T2.

Tại phần nói lời sau cùng các bị cáo Tr và T trình bày: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, người làm chứng, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 22 giờ, ngày 15/4/2019, tại trước nhà số 50, đường N G T, phường A H, thành phố R G. Do vừa trước đó giữa Võ Minh Tr và Trần Hoàng Nh (là anh ruột của người bị hại Trần Hoàng T2) đã xảy ra cự cãi và đánh nhau bằng tay nên Võ Minh Tr đã đi đến nhà của Tạ Hữu T mượn dao để đi đánh nhau với Nh. Tr được T đưa cho 01 cây dao bằng kim loại dài khoảng 37cm và được T điều khiển xe mô tô chở Tr đi đến nhà của Nh để đánh nhau; khi T vừa chạy đến trước nhà số 50 N G T, phường A H thì Tr nhìn thấy T2 và Nh đang đứng phía trước nên Tr kêu T dừng xe; Tr xuống xe và đi đến dùng dao chém nhiều cái trúng vào cánh tay phải, bàn chân phải và chân trái của Trần Hoàng T2 gây thương tích, do thấy T2 bị Tr chém nên Nh lấy 01 cây sắt định đánh Tr thì Tr bỏ chạy về hướng đường Nguyễn Trung Trực, còn T thì không tham gia đánh nhau vẫn ngồi trên xe, do thấy Tr bỏ chạy nên T điều khiển xe về nhà. Hậu quả Trần Hoàng T2 bị thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 37%, thương tích là do vật sắc gây ra.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Minh Tr và Tạ Hữu T thừa nhận thương tích của người bị hại Trần Hoàng T2 là do các bị cáo gây ra như đã nêu trên. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định pháp y về thương tích và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Bị cáo Tr và T gây thương tích cho người bị hại Trần Hoàng T2 tỷ lệ thương tật 37%, do phương tiện các bị cáo dùng để gây thương tích là 01 cây dao bằng kim loại màu đen, dài khoảng 37 cm, được xác định là hung khí nguy hiểm, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo Tr và T đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự, như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công

cụ thể hoặc cấu kết chặt chẽ với nhau trước khi thực hiện hành vi gây thương tích cho Trần Hoàng T2. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ từ một mâu thuẫn nhỏ, nhưng các bị cáo vẫn quyết tâm thực hiện bằng được hành vi gây thương tích. Hành vi của bị cáo là thể hiện bản tính hung hăng, côn đồ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác và xem thường pháp luật; Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe mà còn gây tổn hại về tinh thần cho người bị hại, gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội. Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt, cần xem xét đánh giá hành vi, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

- Đối với bị cáo Võ Minh Tr, bị cáo là người đóng vai trò quyết định trong vụ án, là người chủ động trực tiếp đến nhà của người bị hại trong khi trong người đã có uống rượu bia. Sau khi xảy ra cự cãi đánh nhau bằng tay với anh ruột của người bị hại thì bị cáo tiếp tục đến nhà của bị cáo T để mượn cây dao và kêu T chở đến nhà của người bị hại để đánh nhau và là người trực tiếp gây thương tích cho người bị hại. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với bị cáo Tạ Hữu T.

+ Đối với bị cáo Tạ Hữu T, bị cáo là đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực cho bị cáo Võ Minh Tr. Mặc dù bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại, nhưng bị cáo là người lấy cây dao đưa cho Tr và trực tiếp chở Tr đi đánh nhau và Tr đã dùng con dao này để gây thương tích cho người bị hại. Do đó, khi hậu quả xảy ra bị cáo phải cùng gánh chịu hậu quả về trách nhiệm hình sự tương xứng với mức độ hành vi của mình gây ra.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tạ Hữu T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Tr, bị cáo đã có 01 tiền án, vào ngày 24/4/2007 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 năm tù về tội Cướp tài sản (tội phạm rất nghiêm trọng), bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Do đó, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, giữa bị cáo và người bị hại không có quen biết, hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với nhau, nhưng chỉ vì nguyên nhân nhỏ bị cáo đã sẵn sàng dùng vũ lực và vũ khí sắc là con dao bằng kim loại chém liên tiếp vào cơ thể người bị hại mà không cần biết người bị hại là ai. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết

tăng nặng “Phạm tội có tính chất côn đồ” theo điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Tr và T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại, để khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, người bị hại Trần Hoàng T2 có đơn xin bãi nại và có yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, đối với bị cáo Tr, bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng theo khoản 2 Điều 52, đồng thời có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Tuy nhiên, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới đảm bảo mục đích trừng trị, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

Đối với bị cáo T, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian mới đảm bảo mục đích trừng trị, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố R G về tội danh, về điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Đối với Trần Hoàng Nh có hành vi đánh nhau nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên chuyển về địa phương xử lý hành chính là đúng quy định của pháp luật, nên HĐXX miễn xét.

[8] Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây dao bằng kim loại màu đen, dài khoảng 37 cm, đã qua sử dụng và được niêm phong. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 53/QĐ-VKS, ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

- Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Tr và T đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo yêu cầu của người bị hại Trần Hoàng T2, với tổng cộng số tiền là 80.000.000 đồng (Bị cáo Tr bồi thường 60.000.000 đồng; Bị cáo T bồi thường 20.000.000 đồng). Người bị hại T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX miễn xét.

- Án phí hình sự sơ thẩm:

+ Án phí hình sự: Bị cáo Tr và T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Minh Tr và Tạ Hữu T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm d, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Minh Tr 05 năm tù (Năm năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 06/01/2020.

Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Hữu T 02 năm tù (hai năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 23/3/2020.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây dao bằng kim loại màu đen, dài khoảng 37 cm, đã qua sử dụng và được niêm phong. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 53/QĐ-VKS, ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R G.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Tr và T đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo yêu cầu của người bị hại Trần Hoàng T2, với tổng cộng số tiền là 80.000.000 đồng (Bị cáo Tr bồi thường 60.000.000 đồng; Bị cáo T bồi thường 20.000.000 đồng). Người bị hại T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX miễn xét.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Minh Tr và Tạ Hữu T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- Cơ quan THA Dân sự TP. R G;
- Công an TP. R G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa